TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 11/01/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn-tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1971(vắng mặt)
Địa chỉ: 139 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, Bình Định.
Bị đơn: anh Phạm Phi H, sinh năm 1969(vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 25, khu vực 4, phường Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị chị Trần Thị Bích T trình bày: Chị và anh Phạm Phi H tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ năm 1996, chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung, đến khoảng đầu năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; anh Hổ không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh Hổ đã sống ly thân từ cuối năm 2001. Nay tình cảm, trách nhiệm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Phạm Phi H.

Về con chung: Chị và anh Phạm Phi H có 02 con chung là Phạm Tiến V, sinh ngày 09/10/1997 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/5/2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, chị và anh H không có nợ chung.

Tại các bản khai ngày 24/11/2021 anh, bị đơn anh Phạm Phi H trình bày: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới chung sống với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp quan điểm, tính tình khác biệt nhau. Vợ chồng sống ly thân năm 2001, phần ai nấy sống, không ai chăm sóc lẫn nhau. Đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Phạm Tiến V, sinh năm 1997 và Phạm Tiến Đ, sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa giải quyết cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, anh và chị T không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định đầy đủ và đúng tư cách người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; Đảm bảo đúng quy định về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị T anh H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Cho nên, đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị T và anh H tổ chức đám cưới, sống chung như vợ chồng từ năm 1996 đến nay chưa đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H là vợ chồng.

Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Vụ án có quan hệ pháp luật " Ly hôn". Bị đơn anh Phạm Phi H, trú tại Tổ 25, Khu vực 4, phường Lê Hồng Phong, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị T anh H quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H thừa nhận có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1996 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Theo các biên

bản xác minh ngày 08/12/2021 tại UBND phường nơi chị T anh H cư trú không thể hiện việc đăng ký kết hôn. Vì vậy, chị T anh H chung sống không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cho nên, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H có hai con chung là Phạm Tiến V, sinh ngày 09/10/1997 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/5/2000. Chị T, anh H không yêu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H không yêu cầu, không có nợ chung.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H là vợ chồng

2. Về quan hệ con chung: chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H có hai con chung là Phạm Tiến V, sinh ngày 09/10/1997 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 10/5/2000.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H không yêu cầu, không có nợ chung.

4.Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số:0002893 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (chị T đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bích T và anh Phạm Phi H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Văn Hiệp

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bình Định;
VKSND TP.Quy Nhơn;
Các đương sự;
Lưu HSVA